

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 26/5/2023

*“Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong
trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn giữa
Chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không có đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đồng Lương, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Mã Văn K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đồng Lương, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có mặt tại phiên toà; anh K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Ngô Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Mã Văn K cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không có Giấy đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn Đồng Lương, xã B, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm

2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân. Chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể quay về chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mã Văn K.

Về con chung: Chị Ngô Thị H xác định chị và anh Mã Văn K có 02 con chung, cháu Mã Văn K, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003; cháu Mã Văn T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011. Cháu Mã Văn K đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, chị không đề nghị Toà án giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu K. Chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Mã Văn T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trường.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Ngô Thị H xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung; vợ chồng không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, anh Mã Văn K trình bày: Anh và chị Ngô Thị H chung sống hoàn toàn tự nguyện từ năm 2001, kết hôn có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn Đồng Lường, xã B, huyện H; vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, bản thân anh còn ham chơi, rượu chè, có lúc còn đánh vợ. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và Chị H ngày càng trầm trọng, hai bên không còn tình cảm, không thể hàn gắn. Chị H làm đơn đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và Chị H, anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Toà án giải quyết cho anh và Chị H.

Về con chung: Anh Mã Văn K xác nhận anh và chị Ngô Thị H có 02 con chung, cháu Mã Văn K, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003; cháu Mã Văn T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011. Cháu Mã Văn K hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, anh không đề nghị Toà án giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu K. Đối với cháu Mã Văn T, khi anh và Chị H không còn chung sống, anh nhất trí để Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom cháu K, do Chị H không yêu cầu nên anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Mã Văn K xác nhận, anh và Chị H tự thoả thuận về phần tài sản chung; anh và Chị H không có vay nợ chung. Không đề nghị Toà án giải quyết về những nội dung này.

Ý kiến của con chung, cháu Mã Văn T: Cháu Trường xác nhận gần đây bố mẹ cháu là chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K không sống cùng nhau mà sống mỗi người một nhà, nếu bố mẹ không quay lại chung sống cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện H thể hiện chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn ban đầu thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, từ thời điểm mở phiên tòa vắng mặt không có lý do, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử không công nhận chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K là vợ chồng; về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung, cháu Mã Văn K, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003; cháu Mã Văn T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011, cháu K đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, Chị H và anh K không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu K; Chị H và anh K đều nhất trí thỏa thuận giao cháu Mã Văn T cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom chăm sóc, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trường cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; do Chị H chưa yêu cầu nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh K có quyền đi lại thăm nom cháu Trường không ai được cản trở. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của Chị H và anh Trường đều không đề nghị giải quyết về tài sản chung, xác định không có vay nợ chung, nên đề nghị không xem xét giải quyết; Chị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, anh K không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K đều có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị H và anh K chung sống có cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn; Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận chị và anh K là vợ chồng và các nội dung khác có liên quan. Quan hệ tranh chấp được xác định đầy đủ là Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả xác minh trong quá trình giải quyết vụ án, xác định, chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ, phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh K mãi chơi, không tu chí làm ăn. Chị H và anh K hiện đã sống ly thân. Chị H và anh K đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không hàn gắn được. Do không có đăng ký kết hôn nên Chị H và anh K cùng thống nhất đề nghị Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận Chị H và anh K là vợ chồng. Yêu cầu khởi kiện của Chị H và ý kiến của anh K trong quá trình giải quyết là phù hợp với tình trạng quan hệ hôn nhân của anh chị và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K đều xác định vợ chồng có 02 con chung, cháu Mã Văn K, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003; cháu Mã Văn T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011. Chị H và anh K đều xác nhận cháu Mã Văn K hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập nên không xem xét giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu K. Anh K và Chị H đều thống nhất thoả thuận khi không còn chung sống Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mã Văn T, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom cháu Trường. Cháu Mã Văn T cũng có ý kiến, nếu bố mẹ không còn chung sống cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu Mã Văn T cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trường do Chị H chưa yêu cầu; anh K có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị Toà án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K đều xác định tự thoả thuận về tài sản chung; không có vay nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp.

Anh Mã Văn K không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị H và anh Mã Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Mã Văn T, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2011 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Mã Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị H chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005950, ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Mã Văn K không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mã Văn K vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn Thiết

Lương Thanh Huyền

